

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 68/2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ Campuchia

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế số 33/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/08/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8339/VPCP-QHQT ngày 16/11/2010 và Công văn số 2861/VPCP-KTTH ngày 06/5/2011 của Văn phòng Chính phủ; Bản thoả thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương ký ngày 29/10/2010 giữa Bộ Công thương nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia;

Bộ Tài chính hướng về thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hoá có xuất xứ từ Campuchia như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục hàng hoá có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia nhập khẩu vào Việt Nam được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phần trăm).

2. Đối với các trường hợp đảm bảo đủ điều kiện để áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Thông tư này nhưng đã nộp thuế với mức thuế suất cao hơn sẽ được xử lý hoàn trả số tiền thuế chênh lệch.

Điều 2. Điều kiện áp dụng

Hàng hoá nhập khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phần trăm) qui định tại Danh mục kèm theo Thông tư này phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của Vương quốc Campuchia cấp;

2. Thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu trong Bản Thoả thuận giữa Bộ Công thương nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 3. Quy định khác

1. Hàng hoá áp dụng hạn ngạch (theo phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này), để được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phân trăm) ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này phải đảm bảo các quy định về hạn ngạch theo hướng dẫn của Bộ Công Thương. Trong đó tổng định lượng cho thóc, gạo được tính theo tỷ gạo và tỷ lệ qui đổi từ thóc ra gạo là 2 kg thóc bằng 1 kg gạo. Trường hợp nhập khẩu vượt quá số lượng hạn ngạch quy định sẽ áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu như sau:

1.1. Đối với mặt hàng thóc, gạo các loại: áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CEPT hoặc mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) hoặc mức thuế suất thuế nhập khẩu thông thường theo qui định hiện hành.

1.2. Đối với mặt hàng lá thuốc lá khô:

a) Trường hợp lượng lá thuốc lá khô nhập khẩu vượt số lượng nhập khẩu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này nhưng vẫn trong tổng mức hạn ngạch chung và đảm bảo các điều kiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương thì áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi theo qui định tại Thông tư số 188/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan và các văn bản có liên quan về thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp lượng lá thuốc lá khô vượt số lượng nhập khẩu theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này nhưng nằm ngoài tổng mức hạn ngạch chung theo hướng dẫn của Bộ Công Thương thì áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi ngoài hạn ngạch đối với lá thuốc lá theo qui định tại Thông tư số 188/2009/TT-BTC ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan và các văn bản có liên quan về thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan của Bộ Tài chính.

1.3. Đối với mặt hàng gạo, thóc các loại và lá thuốc lá khô chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành về chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước.

2. Hàng hoá nông sản chưa chế biến (trừ mặt hàng gạo, thóc các loại và lá thuốc lá khô) do các doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất hàng hoá tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 61/2006/TT-BTC ngày 29/6/2006 và Thông tư số 16/2011/T-BTC ngày 09/2/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/3006/TT-BTC quy định về chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại

Campuchia nhập khẩu về nước, nếu đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này thì được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phần trăm).

3. Đối với mặt hàng thóc, gạo các loại và lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Campuchia do các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam để tái xuất đi các thị trường khác thực hiện theo cơ chế tạm nhập tái xuất và không tính vào số lượng nêu tại Phụ lục III. Nhập khẩu thóc, gạo các loại và lá thuốc lá khô để sản xuất, gia công xuất khẩu cũng không tính vào số lượng nêu tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

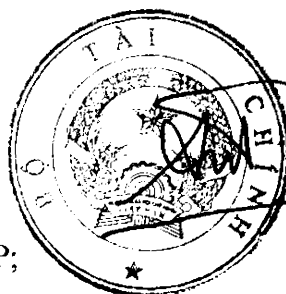
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành cùng thời điểm có hiệu lực thi hành của Bản thoả thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công thương nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia là từ ngày 1/11/2010 trở đi. Ưu đãi thuế đối với lượng hạn ngạch thuế quan thóc và gạo các loại, lá thuốc lá khô của năm 2010 được áp dụng từ ngày 01/11/2010 đến hết ngày 31/12/2010, của năm 2011 được áp dụng từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2011.

2. Bãi bỏ Quyết định số 08/2008/QĐ-BTC ngày 30/1/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ Campuchia. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- VP Ban CE TW về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn